

Số: 61/2022/QĐST-HNGĐ

Yên Mô, ngày 12 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 79/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Văn V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện P, tỉnh Hà Nam

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/8/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trương Văn V và chị Lê Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Trương Khánh H, sinh ngày 22/11/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ tuổi thành

niên. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V.

Chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Trương Khánh H được chung sống với anh V. Chị N có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung. Anh V và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị N trong việc thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Anh Trương Văn V và chị Lê Thị N đều thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

Anh Trương Văn V nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0006360 ngày 22/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Hoàn lại cho anh V 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Khê
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa